TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HOÀ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: **425**/2018/HNGĐ-ST.
Ngày: 05/11/2018.
V/v: Tranh chấp "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

***- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:** Bà Trần Thị Mỹ Hạnh.

***- Các Hội thẩm nhân dân*:**

1. Bà Thiều Thị Phi Loan - Nguyên phó chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ thành phố Biên Hòa.

2. Bà Vương Thị Khánh Loan - Cán bộ Phòng lao động thương binh xã hội thành phố Biên Hòa.

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Nguyễn Thanh Tuyền – Thư ký tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Thế Anh - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 05 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1228/2018/TLST -HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 363/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/10/2018; Quyết định hoãn phiên tòa số: 701/2018/QĐST-HNGĐ ngày 18/10/2018 giữa:

1. Nguyên đơn: **Bà Nguyễn Thị Phương D**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: 3/11, khu phố 2, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: **Ông Nguyễn Chí T**, sinh năm 1977.

Địa chỉ: 43B, tổ 39D, khu phố 13, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Bà D, ông T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/5/2018, bản tự khai, trong quá trình làm việc, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương D trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Chí T tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn vào năm 2002, đến năm 2006 thì ly hôn theo quyết định của Tòa án. Sau đó đến năm 2011, bà và ông T tự nguyện đăng ký kết hôn lại tại Ủy ban nhân dân phường H,

thành phố B. Qúa trình vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách không hòa hợp, bất đồng quan điểm, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã với nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà xin ly hôn với ông Nguyễn Chí T để trả tự do cho nhau.

Về con chung: Có 04 con chung là cháu Nguyễn Chí N, sinh ngày 09/02/2003, cháu Nguyễn Cao Hồng P, sinh ngày 19/9/2007, cháu Nguyễn Ngọc Cát T, sinh ngày 02/11/2011 và cháu Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 02/11/2011. Ly hôn bà yêu cầu được nuôi dưỡng cả 04 cháu. Tạm thời, bà không yêu cầu ông Nguyễn Chí T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Bị đơn ông Nguyễn Chí T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, không có bản tự khai nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông T.***

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, kể từ khi thụ lý vụ án là phù hợp, đúng với quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Xét cuộc sống vợ chồng của bà D, ông T không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được do đó bà D yêu cầu ly hôn với ông T là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Giao các cháu Nguyễn Chí N, sinh ngày 09/02/2003, cháu Nguyễn Cao Hồng P, sinh ngày 19/9/2007, cháu Nguyễn Ngọc Cát T, sinh ngày 02/11/2011 và cháu Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 02/11/2011 cho bà D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, tạm thời ông T không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Do chưa có lời khai của ông T nên tách ra giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác nếu sau này các bên có yêu cầu.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà D phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*** Sau khi nghiên cứu hồ sơ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.**

[1] Về thẩm quyền: Bà D xin ly hôn với ông T có địa chỉ cư trú tại: 43B, tổ 93D, khu phố 13, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa có thẩm quyền giải quyết.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà D có đơn xin xét xử vắng mặt, ông T đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà D, ông T theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà D, ông T kết hôn với nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, theo giấy chứng nhận kết hôn số: 369, quyển số 01 ngày 29/12/2011 nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Bà D trình bày: Sau khi xây dựng gia đình với nhau, vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách không hòa hợp, bất đồng quan điểm, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã với nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà xin ly hôn với ông Nguyễn Chí T để trả tự do cho nhau.

Tòa án đã nhiều lần tống đạt các văn bản tố tụng và triệu tập ông T đến Tòa làm việc nhưng ông T vẫn vắng mặt không lý do, không có ý kiến phản hồi thể hiện việc ông T không tích cực trong việc hòa giải, hàn gắn quan hệ vợ chồng, không thiết tha cuộc sống hôn nhân với bà D. Qua kết quả xác minh tại nơi cư trú ngày 22/8/2018 thì địa phương cho biết vợ chồng ông T, bà D đã sống ly thân khoảng 05 tháng nay.

Từ đó cho thấy tình trạng mâu thuẫn giữa vợ chồng ông T, bà D là có thật, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D, giải quyết cho bà D được ly hôn với ông T để trả tự do cả hai là phù hợp.

- Về con chung: Có 04 con chung là cháu Nguyễn Chí N, sinh ngày 09/02/2003, cháu Nguyễn Cao Hồng P, sinh ngày 19/9/2007, cháu Nguyễn Ngọc Cát T, sinh ngày 02/11/2011 và cháu Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 02/11/2011. Ly hôn bà yêu cầu được nuôi dưỡng cả 04 cháu. Tạm thời, bà không yêu cầu ông Nguyễn Chí T phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, ông T không đến Tòa làm việc nên không ghi nhận được ý kiến của ông T. Từ khi ly thân, các cháu ở cùng với bà D, được bà D chăm sóc ổn định về mọi mặt; Các cháu có nguyện vọng được ở với bà D nên giao các cháu Nguyễn Chí N, Nguyễn Cao Hồng P, Nguyễn Ngọc Cát T, Nguyễn Ngọc N cho bà D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp, tạm thời ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Do chưa có lời khai của ông T nên tách ra giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

- Về án phí: Bà D phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 227, 228, 233, 235, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 110, 131 Luật Hôn nhân và gia đình.

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu "Ly hôn" của bà Nguyễn Thị Phương D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Phương D được ly hôn với ông Nguyễn Chí T.

2. Về con chung: Giao các cháu Nguyễn Chí N, sinh ngày 09/02/2003, cháu Nguyễn Cao Hồng P, sinh ngày 19/9/2007, cháu Nguyễn Ngọc Cát T, sinh ngày 02/11/2011 và cháu Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 02/11/2011 cho bà Nguyễn Thị Phương D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, tạm thời ông Nguyễn Chí T không cấp dưỡng nuôi con.

Vì không trực tiếp chăm sóc, giáo dục con chung nên ông T được quyền thăm nom con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của trẻ, khi cần thiết ông bà có quyền yêu cầu thay đổi vị trí nuôi các con và mức cấp dưỡng nuôi các con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: tách ra giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Phương D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa theo biên lai thu số 007113 ngày 18/5/2018.

5. Bà Nguyễn Thị Phương D và ông Nguyễn Chí T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Toà án tỉnh;
- VKS TP.Biên Hòa;
- Các đương sự;
- Chi cục THA dân sự TP.Biên Hòa;
- Lưu hồ sơ;
- UBND P. H, TP. B.
- Lưu VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Mỹ Hạnh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:
- Toà án tỉnh
- VKS TP Biên Hòa
- Các đương sự
- Thi hành án
- Lưu hồ sơ

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- UBND P. Tam Hiệp, TP Biên Hòa
- Lưu VP

Trần Thị Mỹ Hạnh